

Vietnam Daily Review

Đà tăng chậm lại

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/5/2022	•		
Tuần 23/5-27/5/2022	•		
Tháng 5/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau phiên tăng điểm mạnh hôm qua, thị trường có một phiên đi ngang với thanh khoản duy trì ở mức trung bình gần đây. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với số mã tăng nhiều hơn số mã giảm. Thị trường có 12/19 ngành tăng điểm với mức biến động giá nhẹ. Khối ngoại bán ròng trên cả hai sàn trong phiên giao dịch hôm nay. Sau hai phiên tăng điểm, đà tăng có dấu hiệu chững lại khi tâm lý cẩn trọng là chủ đạo trong phiên giao dịch hôm nay. VN-Index có thể tiếp tục vận động trong vùng 1250-1300 điểm trong các phiên giao dịch tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên đến khi có tín hiệu rõ ràng hơn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 26/05/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 3): DBC_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn:

- VN-Index **0.14** điểm, đóng cửa **1268.57** điểm. HNX-Index **-1.63** điểm, đóng cửa **313.29** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+0.89)**, **HPG (+0.63)**, **PLC (+0.38)**, **REE (+0.29)**, **BID(+0.26)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MSN (-0.67)**, **VPB (-0.50)**, **NVL (-0.44)**, **GAS (-0.38)**, **MBB (-0.38)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 12.991 tỷ đồng, giảm **17.65%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 13.766 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 16.56 điểm. Thị trường có **252** mã tăng, 64 mã tham chiếu và **191** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-278.80 tỷ** đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-103.41 tỷ)**, **VIC (-65.66 tỷ)**, **DXG (-57.72 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-512.84 triệu** đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1268.57**
Giá trị: 12990.9 tỷ **0.14 (0.01%)**
Khối ngoại (ròng): -278.5 tỷ

HNX-INDEX **313.29**
Giá trị: 1548.08 tỷ **-1.62 (-0.51%)**
Khối ngoại (ròng): -0.513 tỷ

UPCOM-INDEX **94.95**
Giá trị: 0.78 tỷ **0.17 (0.18%)**
Khối ngoại (ròng): -63.25 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	111.1	0.65%
Giá vàng	1,845	-0.45%
Tỷ giá USD/VND	23,205	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	24,785	0.21%
Tỷ giá JPY/VND	18,294	0.28%
LS liên NH 1 tháng	2.2%	0.99%
LS TPCP 5 năm	2.5%	1.32%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEFVN	209.1	HPG	-103.4
DGC	31.7	VIC	-65.7
VCI	19.3	DXG	-57.7
GMD	16.2	VND	-37.5
SSI	15.0	MSN	-37.0

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Hiệu suất PTKT	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 26/05

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	110.33	0.51%	3.07%	9.88%	67.27%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	114.37	0.71%	4.82%	9.33%	66.40%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	3.83	0.54%	2.98%	15.72%	78.21%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1853.07	-0.69%	2.06%	-2.75%	-2.29%		PNJ
Bạc	USD/ounce	21.98	-0.50%	2.73%	-6.41%	-20.62%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1681.00	-0.71%	1.10%	0.55%	11.81%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	1148.25	-0.56%	-6.70%	4.86%	77.06%		AFX
Sữa	USD /cwt	25.11	0.12%	0.52%	3.29%	32.65%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	242.80	0.12%	0.17%	-2.92%	-6.62%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	19.67	-0.41%	-0.81%	3.58%	17.22%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	2.69	0.00%	0.00%	-4.61%	-10.93%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	216.65	1.40%	-0.89%	-2.15%	39.15%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	4.28	-1.12%	2.27%	-3.69%	-5.69%	HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	4633.00	-0.86%	-5.55%	-7.65%	-2.01%		
Nhôm	USD/ton	2874.00	-0.95%	0.58%	-6.22%	19.07%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	130.00	-1.52%	4.00%	-4.76%	-31.94%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	400.00	-1.96%	-2.91%	23.08%	279.15%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent tăng 47 US cent lên 114.03 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI tăng 56 US cent lên 110.33 USD/thùng.
- Giá dầu tăng, được hỗ trợ bởi nguồn cung thắt chặt và các nhà máy lọc dầu tại Mỹ thúc đẩy hoạt động sản xuất lên mức cao nhất kể từ trước đại dịch virus corona bắt đầu.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.7% xuống 1,853.8 USD/ounce, trong đầu phiên giao dịch giá vàng giảm 1.3% xuống 1,842.49 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 6/2022 trên sàn New York giảm 1% xuống 1,846.3 USD/ounce.
- Giá vàng giảm, sau biên bản cuộc họp của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ cho thấy Ngân hàng trung ương sẽ tiếp tục tăng lãi suất thêm 0.5% điểm trong các cuộc họp tháng 6 và tháng 7.

Giá sắt thép

- Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2022 giảm 0.2% xuống 4,541 CNY (680.87 USD)/tấn. Giá thép cuộn cán nóng không thay đổi ở mức 4,673 CNY/tấn. Giá thép không gỉ kỳ hạn tháng 6/2022 tăng 0.4% lên 18,595 CNY/tấn.
- Giá thép cây tại Trung Quốc giảm, do các hạn chế Covid-19 khiến nhu cầu thị trường suy giảm, bất chấp 1 loạt các biện pháp kích thích gần đây nhằm hỗ trợ thị trường bất động sản và nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 10/2022 trên sàn Osaka giảm 1.7 JPY tương đương 0.7% xuống 244.9 JPY (1.92 USD)/kg.
- Giá cao su tại Nhật Bản giảm, do đồng JPY tăng đã hạn chế nhu cầu và giá cao su trở nên rẻ hơn khi mua bằng tiền tệ khác.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 7/2022 trên sàn ICE tăng 3.4 US cent tương đương 1.6% lên 2.1705 USD/lb, chạm mức thấp nhất kể từ giữa tháng 5/2022 (2.11 USD/lb) trong ngày 24/5/2022.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2022 trên sàn ICE giảm 0.07 US cent tương đương 0.4% xuống 19.68 US cent/lb.

	26/5	% 26/5	25/5	% 25/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1268.57	0.01%	1268.43	2.84%	2.17%	-8.02%
S&P 500			3978.73	0.95%	1.40%	-7.39%
HĐTL S&P500	3972.25	-0.11%	3976.75	0.92%	1.91%	-4.75%
Shang- hai	3123.11	0.50%	3107.46	1.19%	0.84%	1.41%
Euro Stoxx	3688.73	0.32%	3677.10	0.81%	1.32%	-0.88%

Phân tích kỹ thuật
DBC_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, hồi phục từ vùng bán quá.

Nhận định: DBC đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi tạo đáy tại ngưỡng giá 22.0 và 22.5. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng hồi phục. Đường giá cổ phiếu đang hướng về đường MA20 và MA50, cho thấy xu hướng tăng giá đang dần hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 25.3, chốt lãi tại ngưỡng 30.2 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng hỗ trợ 22.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

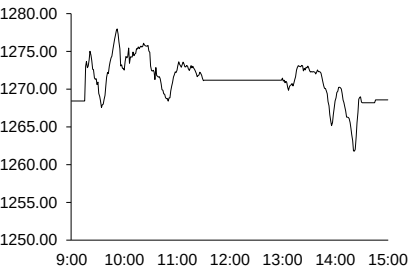
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	1.59%
Tài nguyên Cơ bản	1.55%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.29%
Dầu khí	1.25%
Dịch vụ tài chính	1.07%
Công nghệ Thông tin	0.69%
Bán lẻ	0.43%
Bảo hiểm	0.41%
Xây dựng và Vật liệu	0.38%
Y tế	0.34%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.19%
Bất động sản	0.16%
Du lịch và Giải trí	-0.28%
Ngân hàng	-0.34%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.46%
Thực phẩm và đồ uống	-0.65%
Hóa chất	-0.88%
Truyền thông	-0.93%
Viễn thông	-1.45%

Hình 1

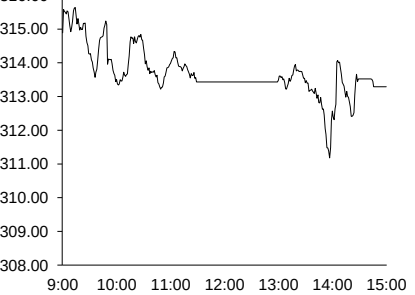
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

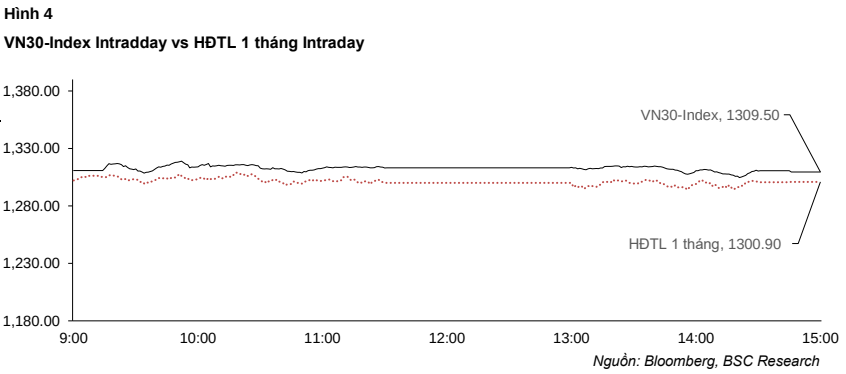
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/25/2022	FRT	121.8	154.1	112.4	124.5	1	2.22%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	35.3	7	12.42%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/18/2022	VCI	35	48	32.5	39.2	8	12.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
5/4/2022	POW	14.05	16.6	13	SL	5	-7.47%
5/3/2022	PC1	39.4	45	36.55	SL	6	-7.23%
4/28/2022	FPT	105.5	118.9	100	SL	10	-5.21%
4/27/2022	HPG	42.5	47	39.5	SL	12	-7.06%
4/26/2022	REE	73.9	86	69	TP	13	16.37%
4/16/2022	DRC	37.5	42	35	SL	4	-6.67%
4/15/2022	MIG	29.65	33.9	27.65	SL	5	-6.75%
4/14/2022	BWE	57.7	66	53.7	SL	11	-6.93%
4/13/2022	LHG	57.7	67.8	53.7	SL	7	-6.93%
4/6/2022	HT1	25.7	30	24.2	SL	9	-5.84%
4/5/2022	ELC	28.85	35	27	SL	3	-6.41%
4/4/2022	GVR	36.5	41.5	34	SL	8	-6.85%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	3	0	8.88%	0.00%	8.88%	5
Cổ phiếu đã chốt	244	212	7.17%	-7.57%	4.25%	23

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2205	1283.50	0.20%	-26.00	-24.8%	309,742	5/19/2022	0
VN30F2206	1300.90	0.12%	-8.60	-12.4%	279,325	6/16/2022	21
VN30F2209	1296.60	-0.14%	-12.90	-78.4%	40	9/15/2022	112
VN30F2212	1291.00	-0.38%	-18.50	-70.4%	37	12/15/2022	203

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -1.2 điểm xuống 1309.50 điểm. Các cổ phiếu như VPB, MSN, MBB, STB, NVL đã tác động đến nhịp vận động giảm của VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên đến khi có tín hiệu rõ ràng hơn.
- Các HĐTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, tất cả các HĐ đều giảm so với phiên ngày hôm qua. Xét về vị thế mở, hầu hết các HĐ đều giảm, chỉ riêng VN30F2206 tăng. VN30 điều chỉnh nhẹ trong phiên giao dịch hôm nay với thanh khoản suy giảm so với hai phiên trước. Quá trình điều chỉnh này đang kiểm tra lại đà hồi phục của VN30.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE2205	8/22/2022	88	5:1	200	39.13%	1,000	710	16.39%	276	2.57	34,722	32,222	29,600
CVHM2207	10/19/2022	146	8:1	74,400	26.53%	2,000	1,350	6.30%	421	3.20	84,600	73,000	68,700
CVPB2203	7/15/2022	50	16:1	24,400	36.12%	1,000	530	1.92%	190	2.79	48,888	28,888	31,050
CVIC2204	8/22/2022	88	16:1	41,000	25.51%	1,000	610	1.67%	129	4.74	101,093	83,333	77,700
CVIC2205	10/20/2022	147	16:1	30,100	25.51%	1,100	750	1.35%	149	5.05	105,706	86,666	77,700
CFPT2202	6/24/2022	29	10:1	300,000	29.85%	1,700	1,690	0.60%	1,631	1.04	97,200	89,700	105,600
CVPB2204	11/15/2022	173	16:1	9,100	36.12%	1,000	820	0.00%	216	3.80	48,328	30,888	31,050
CFPT2201	9/20/2022	117	8:1	476,000	29.85%	2,100	1,670	0.00%	952	1.75	117,840	106,000	105,600
CHDB2205	10/20/2022	147	5:1	79,100	38.60%	1,000	880	0.00%	410	2.14	27,861	27,111	25,550
CNVL2204	9/20/2022	117	16:1	38,000	24.22%	1,000	480	0.00%	115	4.18	102,639	85,999	78,000
CPNJ2201	9/20/2022	117	8:1	68,900	37.80%	2,300	3,300	-0.30%	2,794	1.18	105,500	95,500	114,300
CMWG2201	9/20/2022	117	10:1	67,700	31.33%	2,600	2,280	-0.44%	1,311	1.74	157,600	134,500	139,000
CVNM2204	10/7/2022	134	10:1	692,500	22.40%	1,500	830	-2.35%	365	2.27	84,100	73,000	71,300
CVRE2207	10/20/2022	147	8:1	88,800	39.13%	1,000	610	-3.17%	221	2.76	40,213	33,333	29,600
CVIC2206	9/19/2022	116	10:1	12,000	25.51%	1,900	880	-3.30%	297	2.96	107,500	82,500	77,700
CVIC2202	8/15/2022	81	16:1	199,000	25.51%	1,100	580	-3.33%	139	4.16	110,222	82,222	77,700
CVNM2203	8/15/2022	81	20:1	736,100	22.40%	1,000	350	-5.41%	26	13.66	116,111	81,111	125,000
CVNM2205	10/20/2022	147	16:1	100,500	22.40%	1,000	690	-8.00%	99	6.98	143,839	79,999	71,300
CNVL2202	8/15/2022	81	16:1	426,500	24.22%	1,000	500	-10.71%	187	2.67	87,839	79,999	78,000
CFPT2108	7/6/2022	41	6:1	9,400	29.85%	3,280	1,670	-16.92%	650	2.57	108,095	106,835	105,600
Tổng				3,473,500	29.06%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất													
CR: Tỷ lệ chuyển đổi													
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn													
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%													
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes													
**Trung bình độ lệch chuẩn													

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 26/05/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2117 và CTCB2203 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 33.33% và 33.33%. Giá trị giao dịch giảm -23.80%, CFPT2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 35.30 % thị trường.
- CPNJ2201, CFPT2203,CHDB2205 và CVNM2204 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CFPT2201, CNVL2203, CMSN2203 và CKDH2204 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2203, CPNJ2201 và CFPT2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	139.0	0.0%	0.7	4,423	4.3	7,030	19.8	4.5	49.0%	25.8%	
PNJ	Bán lẻ	114.3	-1.0%	0.7	1,204	2.4	5,443	21.0	3.5	52.2%	18.0%	
BVH	Bảo hiểm	53.5	1.3%	1.3	1,727	3.3	2,557	20.9	1.8	26.3%	9.0%	
PVI	Bảo hiểm	50.5	-0.8%	0.6	514	0.1	3,644	13.9	1.5	58.3%	11.1%	
VIC	Bất động sản	77.7	0.0%	0.5	12,884	7.0	(578)	N/A	N/A	2.8	12.5%	-2.4%
VRE	Bất động sản	29.6	0.5%	1.1	2,924	2.5	401	73.8	2.2	31.0%	3.0%	
VHM	Bất động sản	68.7	1.2%	0.8	13,006	9.1	8,786	7.8	2.3	23.3%	34.5%	
DXG	Bất động sản	27.2	-1.3%	1.5	718	11.5	1,503	18.1	1.8	31.2%	11.3%	
SSI	Chứng khoán	29.5	2.3%	1.6	1,271	37.4	3,023	9.7	2.0	35.4%	22.6%	
VCI	Chứng khoán	39.2	0.5%	1.0	568	9.3	4,884	8.0	1.8	19.6%	26.9%	
HCM	Chứng khoán	24.5	1.9%	1.6	486	6.5	2,619	9.3	1.5	42.3%	17.9%	
FPT	Công nghệ	105.6	0.6%	0.9	4,197	6.6	5,152	20.5	5.0	49.0%	26.1%	
FOX	Công nghệ	71.1	-1.8%	0.4	1,015	0.0	4,926	14.4	3.9	0.0%	30.2%	
GAS	Dầu khí	107.6	-0.7%	1.0	8,954	2.7	5,109	21.1	3.8	2.9%	19.2%	
PLX	Dầu khí	42.6	2.8%	1.5	2,351	3.1	1,950	21.8	2.1	17.1%	9.9%	
PVS	Dầu khí	28.4	-2.7%	1.6	590	10.5	1,408	20.2	1.1	9.0%	5.5%	
BSR	Dầu khí	23.8	-4.4%	0.8	3,208	8.7	2,108	11.3	2.0	41.1%	19.1%	
DHG	Dược	93.0	0.0%	0.3	529	0.0	6,105	15.2	3.4	54.2%	21.8%	
DPM	Hóa chất	56.5	-3.9%	1.2	961	11.2	12,920	4.4	1.8	14.5%	50.2%	
DCM	Hóa chất	35.3	-3.2%	1.2	813	9.7	5,643	6.3	2.1	9.1%	38.9%	
VCB	Ngân hàng	76.7	-0.4%	0.9	15,782	3.3	4,855	15.8	3.1	23.6%	21.1%	
BID	Ngân hàng	35.1	0.6%	1.2	7,720	1.8	2,266	15.5	2.0	16.8%	13.8%	
CTG	Ngân hàng	26.7	-0.7%	1.5	5,579	4.4	2,558	10.4	1.3	26.0%	13.0%	
VPB	Ngân hàng	31.1	-1.4%	1.2	6,001	11.8	3,874	8.0	1.6	17.5%	24.0%	
MBB	Ngân hàng	27.7	-1.4%	1.3	4,542	8.8	3,623	7.6	1.6	23.2%	23.7%	
ACB	Ngân hàng	30.4	1.2%	1.1	3,565	3.5	3,852	7.9	1.7	30.0%	24.2%	
BMP	Nhựa	59.3	3.9%	0.7	211	0.1	3,150	18.8	2.0	85.7%	10.7%	
NTP	Nhựa	45.8	4.1%	0.5	235	0.2	3,990	11.5	1.9	17.9%	16.9%	
MSR	Tài nguyên	22.3	-1.8%	1.4	1,066	0.2	178	125.3	1.7	10.1%	1.4%	
HPG	Thép	35.0	1.6%	1.1	6,807	24.8	7,443	4.7	1.6	21.3%	40.4%	
HSG	Thép	21.7	2.4%	1.4	466	6.8	7,157	3.0	0.9	6.8%	35.8%	
VNM	Tiêu dùng	71.3	-0.8%	0.6	6,479	4.8	4,390	16.2	4.6	54.5%	28.9%	
SAB	Tiêu dùng	153.0	-0.6%	0.8	4,266	1.5	5,969	25.6	4.6	62.7%	19.0%	
MSN	Tiêu dùng	108.6	-1.7%	1.1	6,689	3.9	7,041	15.4	5.6	28.7%	45.7%	
SBT	Tiêu dùng	17.4	6.8%	1.5	475	3.9	1,144	15.2	1.3	8.4%	8.3%	
ACV	Vận tải	86.6	-0.5%	0.8	8,197	0.0	363	238.7	5.0	3.8%	1.3%	
VJC	Vận tải	125.0	-0.6%	1.1	2,944	3.2	361	345.8	4.0	16.8%	1.2%	
HVN	Vận tải	17.9	0.3%	1.7	1,719	0.8	(5,236)	N/A	N/A	N/A	6.0%	#VALUE!
GMD	Vận tải	53.7	-1.5%	1.0	704	4.1	2,256	23.8	2.5	44.9%	10.8%	
PVT	Vận tải	20.7	0.0%	1.4	291	2.9	2,088	9.9	1.2	11.3%	13.0%	
VCS	Vật liệu xây dựng	93.1	3.2%	0.8	648	0.4	10,540	8.8	2.9	3.2%	37.5%	
VGC	Vật liệu xây dựng	40.2	0.2%	0.8	784	1.9	3,677	10.9	2.3	4.7%	22.9%	
HT1	Vật liệu xây dựng	17.0	2.1%	1.1	282	0.6	783	21.7	1.2	2.0%	5.6%	
CTD	Xây dựng	49.4	0.8%	1.3	159	1.1	(27)	N/A	N/A	0.4	44.8%	0.0%
CII	Xây dựng	22.0	-3.1%	1.3	241	6.5	1,266	17.3	1.0	11.0%	6.1%	
REE	Điện	83.8	4.5%	-1.4	1,295	5.9	5,994	14.0	2.2	49.0%	16.7%	
PC1	Điện	35.7	3.0%	-0.4	365	2.0	3,238	11.0	1.7	5.0%	16.9%	
POW	Điện	13.2	-1.9%	0.6	1,339	5.8	859	15.3	1.1	2.1%	6.9%	
NT2	Điện	22.3	-1.1%	0.7	278	0.5	1,933	11.5	1.5	14.0%	13.1%	
KBC	Khu công nghiệp	44.0	0.3%	1.5	1,100	4.3	1,154	38.1	1.7	18.5%	5.3%	
BCM	Khu công nghiệp	74.4	0%	0.9	3,348	1.1	1,190	62.5	4.7	2.7%	8.4%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	68.70	1.18	0.88	3.05MLN
HPG	35.00	1.60	0.62	16.23MLN
PLX	42.55	2.78	0.38	1.65MLN
REE	83.80	4.49	0.28	1.63MLN
BID	35.10	0.57	0.26	1.19MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
MSN	0.00	-0.68	834000	1.11MLN
VPB	0.00	-0.51	8.63MLN	607060
NVL	0.00	-0.44	3.25MLN	373600
GAS	0.00	-0.39	565300	192700
MBB	0.00	-0.38	7.26MLN	611640

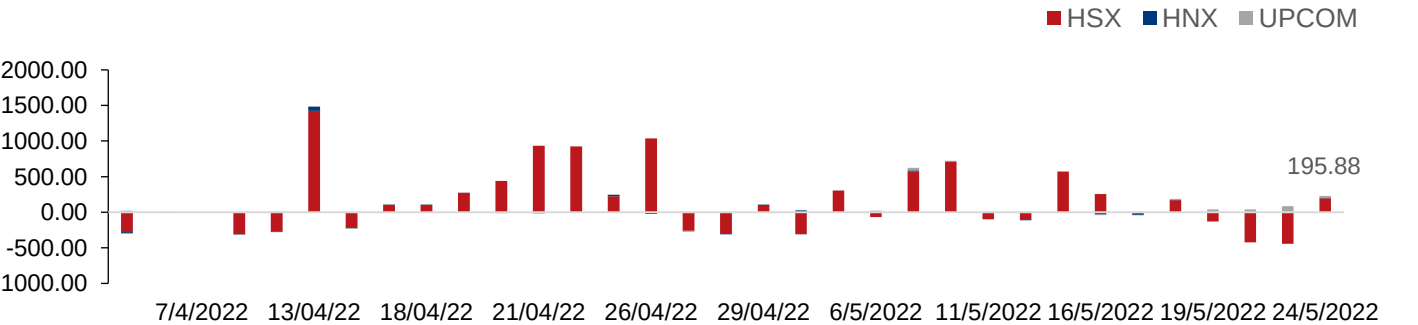
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SFC	23.75	6.98	0.00	100.00
DBC	25.30	6.98	0.10	2.07MLN
VDS	22.30	6.95	0.04	480300
TNC	43.10	6.95	0.01	100
DQC	27.00	6.93	0.02	171900

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FLC	6.20	-6.91	-0.08	6.18MLN
PXS	5.17	-6.85	-0.01	581000
ROS	4.10	-6.82	-0.04	3.85MLN
AMD	3.56	-6.81	-0.01	5.73MLN
HAI	3.17	-6.76	-0.01	1.74MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	105.6	5,152	20.5	5.0	Click
2	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	30.7	2,466	12.4	2.0	Click
3	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	30.1	11,559	2.6	1.1	Click
4	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.2	859	15.3	1.1	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	114.3	5,443	21.0	3.5	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	139.0	7,030	19.8	4.5	Click
7	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	20.7	2,088	9.9	1.2	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	224.9	18,902	11.9	5.3	Click
9	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	35.0	7,443	4.7	1.6	Click
10	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	44.0	1,154	38.1	1.7	Click
11	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	29.3	5,084	5.8	1.9	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	27.2	1,503	18.1	1.8	Click
13	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	121.9	8,596	14.2	5.4	Click
14	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	47.5	2,136	22.2	2.4	Click
15	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	30.9	2,917	10.6	2.0	Click
16	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	102.0	8,331	12.2	2.9	Click
17	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	32.5	1,941	16.7	1.5	Click
18	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	50.5	3,644	13.9	1.5	Click
19	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	28.4	1,408	20.2	1.1	Click
20	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	107.6	5,109	21.1	3.8	Click
21	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	22.4	3,141	7.1	1.5	Click
22	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	49.4	-27	#N/A N/A	0.4	Click
23	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	15.3	1,701	9.0	0.6	Click
24	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	12.3	1,350	9.1	0.6	Click
25	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	12.3	1,350	9.1	0.6	Click
26	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	15.1	2,433	6.2	1.2	Click
27	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	114.3	5,443	21.0	3.5	Click
28	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	114.3	5,443	21.0	3.5	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	139.0	7,030	19.8	4.5	Click
30	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	51.9	2,762	18.8	3.7	Click
31	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	47.3	1,900	24.9	2.1	Click
32	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	23.8	2,108	11.3	2.0	Click
33	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	19.0	1,034	18.4	1.1	Click
34	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	102.0	8,331	12.2	2.9	Click
35	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	32.9	2,916	11.3	1.8	Click
36	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	13.7	689	19.9	1.0	Click
37	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	25.3	2,054	12.3	1.2	Click
38	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	46.9	3019.9	15.5	1.9	Click
39	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.3	1,933	11.5	1.5	Click
40	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	107.6	5,109	21.1	3.8	Click
41	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	30.1	11,559	2.6	1.1	Click
42	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	41.5	1,878	22.1	2.5	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	71.3	4,390	16.2	4.6	Click
44	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	105.6	5,152	20.5	5.0	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	29.6	401	73.8	2.2	Click
46	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	224.9	18,902	11.9	5.3	Click
47	LHG	BĐS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	34.9	6,244	5.6	1.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
2	Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
6	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
7	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
9	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
11	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
12	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
14	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
15	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
16	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
18	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
21	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
22	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
24	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
25	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
29	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
30	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
31	Banking Sector Outlook		x	Click
32	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
34	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
35	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
36	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
37	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
38	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
39	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
40	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
41	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
42	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
43	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
44	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639